TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Việt Hoài.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT: Tổ x, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: đường L, tổ y, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Hằng N**, sinh năm 1997;

Nơi ĐKHKTT: Tổ x, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: đường T, tổ z, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Quốc H trình bày***: Anh và chị Lê Hằng N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở phường L, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, càng gần nhau càng không thấy điểm chung. Đến tháng 02 năm 2023 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 6 phường Đ ở từ đó đến nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Lê Hằng N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020, hiện nay cháu đang ở với anh và được anh nuôi dưỡng. Ly hôn anh H đề nghị Tòa án cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Hiện nay, anh đi làm ở trung tâm Tiếng Anh và kinh doanh tự do thu nhập 8.000.000 đồng một tháng và có bố mẹ đẻ anh phụ giúp trong việc nuôi con nên anh có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Lê Hằng N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày nộp cho Tòa án.

**** Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Long V ngày 31 tháng 8 năm 2023 thể hiện:*** Ông là bố đẻ của chị Lê Hằng N. Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Đến tháng 02/2023 chị N về nhà ông ở từ đó đến nay, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Gia đình ông có khuyên bảo chị N nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Hiện tại, chị N đang đi làm ăn ở Miền Nam. Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án ông đã giao cho chị N nhưng do chị N đang bận làm ăn nên chị N không về Tòa án để giải quyết việc ly hôn được quan điểm của chị N xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng nên chị N cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giao con cho anh H nuôi dưỡng, vợ chồng cũng không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị N xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa. Nay anh H xin ly hôn, quan điểm của ông là mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị N là có thật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H và chị N. Anh H và chị N có 01 con chung là Trần Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Lê Bảo A. Anh H, chị N không có tài sản chung,

không có nợ chung, không có tài sản gì liên quan đến gia đình ông. Do chị N mới đi làm chỗ ở chưa ổn định nên ông đề nghị Tòa án gửi giấy tờ tài liệu cho chị N theo địa chỉ của ông, ông sẽ có trách nhiệm giao Ny tận tay cho chị N.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh H được ly hôn chị N. Về con chung: giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Bảo An, sinh ngày 01/06/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh

chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 03 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy hôn nhân giữa anh H, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh H được ly hôn chị N.

[4] Về nuôi con chung: Anh H và chị N có một con chung là Trần Lê Bảo A, sinh ngày 01/06/2020. Hiện nay, cháu A đang ở với anh H, anh H có việc làm và thu nhập có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc trông con, chị N vắng mặt tại địa phương nên là cần giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của con. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị N không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Quốc H được ly hôn chị Lê Hằng N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Bảo A, sinh ngày 01/06/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Hằng N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Lê Hằng N, anh Trần Quốc H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai số 0001562 ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; anh Trần Quốc H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Quốc H và chị Lê Hằng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 28/7/2020)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương